VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2025/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, cụ thể:

1. Quy định các trường hợp sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây viết gọn là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP); các trường hợp sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp

tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 86 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Phân công cơ quan chức năng, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức thực hiện và hướng dẫn xây dựng phương án, mẫu biểu thực hiện trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo quy định tại khoản 7 Điều 88 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; quy định thu, nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại khoản 4 Điều 87, khoản 1 Điều 89 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân.

2. Doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng được giao quản lý (sau đây viết gọn là doanh nghiệp).

3. Tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo quy định tại khoản 4 Điều 260 Luật Đất đai.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng* bao gồm: Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và các Tổng cục, Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Binh chủng, Binh đoàn; Bộ đội Biên phòng; Cảnh sát biển Việt Nam; Bộ Tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tác chiến không gian mạng, Pháo binh - Tên lửa; Học viện, Nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng; Bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga; doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. *Đơn vị trực thuộc đơn vị đầu mối* bao gồm: các đơn vị thuộc quyền quản lý hành chính, quân sự của đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

3. *Doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng được giao quản lý* là doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp, do Bộ Quốc phòng là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 4. Các trường hợp sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

1. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng

kinh tế (kể cả khi phối hợp với doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng được giao quản lý), phục vụ chủ yếu cho nhiệm vụ của đơn vị theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 85 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP thì không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm.

2. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 84 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Các trường hợp sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

1. Doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng được giao quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm, gồm:

a) Sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

b) Sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này;

c) Sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Thông tư này.

2. Công ty cổ phần do Bộ Quốc phòng được giao quản lý khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thì phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm, gồm:

a) Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đang sử dụng đất quốc phòng theo hợp đồng thuê đất, hợp đồng sử dụng đất đã ký với Bộ Quốc phòng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 79 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

b) Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ tiếp tục sử dụng đất quốc phòng theo phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 79 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này.

4. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đang trình Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Thông tư này.

5. Đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1, 2 và 3 điều này, khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện quyền, nghĩa vụ của đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại Điều 84 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh hoặc chấm dứt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt, điều chỉnh hoặc chấm dứt phương án không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt, điều chỉnh hoặc chấm dứt phương án phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Chương II
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH HOẶC CHẤM DỨT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 7. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

1. Lập phương án sử dụng đất

a) Đơn vị trực thuộc đơn vị đầu mối khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế có trách nhiệm rà soát, xác định diện tích đất sử dụng kết hợp, lập hồ sơ phương án sử dụng đất đối với từng điểm đất, xác định độ mật của hồ sơ phương án, nộp về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Đối với các điểm đất do đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng trực tiếp thực hiện, Thủ trưởng đơn vị giao cơ quan thuộc quyền xây dựng phương án, xác định độ mật của hồ sơ phương án theo quy định của pháp luật, trình Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

2. Hồ sơ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất, bao gồm:

a) Phương án sử dụng đất (theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này);

b) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất (theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này);

c) Bản sao quyết định vị trí đóng quân hoặc bản sao quyết định giao cơ sở nhà đất; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất (nếu có);

d) Quy hoạch phân khu đã được phê duyệt hoặc sơ đồ hiện trạng khu đất;

đ) Bản sao các văn bản có liên quan về việc sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (nếu có).

3. Thẩm định, báo cáo Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án sử dụng đất

a) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị được giao chủ trì thẩm định có trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan; tổng hợp, hoàn thiện báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt phương án (theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này), báo cáo Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định;

b) Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ phương án theo yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định, trong thời hạn 07 ngày, đơn vị lập phương án có trách nhiệm bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ; đơn vị được giao chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp, hoàn thiện báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt phương án, báo cáo Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

4. Nội dung thẩm định phương án sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 88 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

5. Báo cáo việc phê duyệt phương án

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng để theo dõi, giám sát; cập nhật vào phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội.

Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Lập phương án sử dụng đất

a) Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện rà soát, xác định diện tích đất sử dụng kết hợp, lập tờ trình cùng hồ sơ phương án sử dụng đất đối với từng điểm đất; xác định độ mật

của hồ sơ phương án theo quy định của pháp luật, báo cáo về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng lập tờ trình kèm theo hồ sơ phương án, nộp 04 bộ hồ sơ về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng);

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

2. Hồ sơ trình phê duyệt phương án sử dụng đất, bao gồm:

a) Phương án sử dụng đất (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư này);

b) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư này);

c) Bản sao quyết định vị trí đóng quân hoặc bản sao quyết định giao cơ sở nhà đất; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất (nếu có);

d) Quy hoạch phân khu đã được phê duyệt hoặc sơ đồ hiện trạng khu đất;

đ) Bản sao các văn bản có liên quan về việc sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (nếu có).

3. Thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt phương án sử dụng đất

a) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm dự thảo báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt phương án (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Thông tư này), gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan;

b) Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần bổ sung hồ sơ phương án theo yêu cầu của Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, đơn vị lập phương án có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ, gửi lại cho Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng;

c) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng hoàn thiện báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất kèm theo hồ sơ phương án, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu. Trường hợp Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung hoặc không nhất trí với báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tiếp thu hoặc giải trình ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu;

d) Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng hoàn thiện báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt phương án, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

4. Nội dung thẩm định phương án sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 88 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

5. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cập nhật vào phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Lập phương án sử dụng đất

a) Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc Bộ Quốc phòng khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện rà soát, xác định diện tích đất sử dụng kết hợp, lập tờ trình cùng hồ sơ phương án đối với từng điểm đất, xác định độ mật của hồ sơ phương án theo quy định của pháp luật, nộp 04 bộ hồ sơ về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

2. Hồ sơ trình phê duyệt phương án sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

3. Thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

4. Nội dung thẩm định phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 Điều 88 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

5. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư có trách nhiệm cập nhật số liệu phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế vào phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội.

Điều 10. Điều chỉnh hoặc chấm dứt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Đơn vị trực thuộc đơn vị đầu mối khi có nhu cầu điều chỉnh hoặc chấm dứt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, lập tờ trình, xác định độ mật của hồ sơ phương án theo quy định của pháp luật, báo cáo về Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp trực thuộc đơn vị đầu mối, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc Bộ Quốc phòng khi có nhu cầu điều chỉnh hoặc chấm dứt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, lập tờ trình báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng) xem xét, quyết định theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Chương III
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TỪ ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 11. Xác định tiền sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp hằng năm

1. Tiền sử dụng đất hằng năm được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 87 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Diện tích đất sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế xác định trong phương án làm cơ sở tính tiền sử dụng đất hằng năm thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 87 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Doanh thu từ thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng để xác định tiền sử dụng đất hằng năm, bao gồm: Doanh thu từ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng do cấp có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trong năm tính tiền sử dụng đất, trường hợp doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng (đột xuất hoặc theo kế hoạch) thì được xem xét miễn tiền sử dụng đất theo số ngày thực tế được huy động tại vị trí đất được giao thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 12. Dự toán ngân sách nhà nước từ sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng chủ trì báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định tiền sử dụng đất phải nộp của năm sau, làm cơ sở để các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính, giá thành sản phẩm, dịch vụ, báo cáo nhu cầu ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách nhà nước năm sau. Việc xác định số tiền sử dụng đất phải nộp thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, việc xác định tiền sử dụng đất phải nộp của năm sau được tạm tính theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó, tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng để tạm tính tiền sử dụng đất hằng năm được căn cứ theo tỷ lệ % doanh thu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại báo cáo tài chính của năm trước liền kề;

b) Đối với đơn vị, doanh nghiệp được tiếp tục sử dụng đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh liên kết và doanh nghiệp cổ phần hóa đã ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng, việc xác định tiền sử dụng đất năm sau được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được xác định là 100%;

c) Đối với doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp quân đội đang sử dụng đất quốc phòng nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng, việc xác định tiền sử dụng đất năm sau được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được xác định là 100%;

d) Dự kiến thu tiền sử dụng đất năm sau được xác định trên cơ sở phương án sử dụng đất, phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

2. Cùng với thời điểm lập nhu cầu ngân sách nhà nước hằng năm, đơn vị, doanh nghiệp báo cáo các khoản thu và nhiệm vụ chi từ sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, tổng hợp vào nhu cầu ngân sách nhà nước năm sau đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, gửi Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đang sử dụng đất quốc phòng theo hợp đồng thuê đất đã ký với Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp quân đội đang sử dụng đất quốc phòng nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng dự kiến số tiền thu từ sử dụng đất năm sau để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Nội dung báo cáo gồm:

a) Các khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

b) Nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

4. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tổng hợp các khoản thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm sau của các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng và doanh nghiệp cổ phần hóa. Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng về công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng.

Điều 13. Nộp tiền sử dụng đất hằng năm đối với phương án sử dụng đất đã được phê duyệt

1. Căn cứ dự toán thu ngân sách đã được Bộ Quốc phòng giao trong dự toán ngân sách hằng năm, doanh nghiệp nộp tiền sử dụng đất tạm tính hằng năm về tài khoản tạm giữ của Bộ Quốc phòng mở tại Ban Giao dịch Kho bạc nhà nước do Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng làm chủ tài khoản (sau đây viết gọn là tài khoản tạm giữ).

2. Kết thúc năm tài chính, căn cứ tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, cơ quan tài chính cấp trên xác định chính thức số tiền sử dụng đất trong năm phải nộp trong thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm để đơn vị, doanh nghiệp thực hiện.

a) Trường hợp số tiền sử dụng đất hằng năm phải nộp lớn hơn số tiền sử dụng đất tạm tính đã nộp, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm, đơn vị, doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền nộp thiếu;

b) Trường hợp số tiền sử dụng đất hằng năm phải nộp nhỏ hơn số tiền sử dụng đất hằng năm đã nộp, đơn vị, doanh nghiệp được trừ số tiền nộp thừa vào số tiền phải nộp năm sau.

3. Nộp tiền sử dụng đất

a) Trước ngày 31 tháng 5 hằng năm, đơn vị, doanh nghiệp nộp 50% số tiền sử dụng đất theo dự toán thu ngân sách đã được Bộ Quốc phòng giao về tài khoản tạm giữ. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng nộp toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách nhà nước;

b) Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, đơn vị, doanh nghiệp nộp đủ số tiền sử dụng đất còn lại theo dự toán thu ngân sách đã được Bộ Quốc phòng giao về tài khoản tạm giữ. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng nộp toàn bộ số tiền sử dụng đất còn lại thu được vào ngân sách nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị, doanh nghiệp chưa nộp tiền sử dụng đất thì được xác định là chậm nộp và phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Trong năm, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt điều chỉnh tiền sử dụng đất của năm hiện tại và các năm trước (nếu có). Trường hợp tiền sử dụng đất phê duyệt điều chỉnh cao hơn tiền sử dụng đất tạm tính của đơn vị, doanh nghiệp đã nộp hoặc đã được phê duyệt trước đó, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền sử dụng đất, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng thông báo cho đơn vị, doanh nghiệp biết để thực hiện.

Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng nộp toàn bộ số tiền chênh lệch thu được vào ngân sách nhà nước trước ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trường hợp tiền sử dụng đất phê duyệt điều chỉnh thấp hơn tiền sử dụng đất tạm tính của đơn vị, doanh nghiệp đã nộp hoặc đã được phê duyệt trước đó, đơn vị, doanh nghiệp được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của năm sau liền kề.

4. Hết thời hạn thông báo nộp tiền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, đơn vị, doanh nghiệp không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền sử dụng đất hằng năm, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng xác định, thông báo và thu số tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Trong năm, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định phê duyệt tiền chậm nộp (nếu có), trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt tiền chậm nộp, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng thông báo cho đơn vị, doanh nghiệp biết để thực hiện.

6. Trường hợp có sự điều chỉnh về thời hạn sử dụng đất theo phương án, hợp đồng đã ký hoặc có sự thay đổi diện tích sử dụng đất, thay đổi giá đất, tỷ lệ % đơn giá, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định của Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất, đơn vị, doanh nghiệp phải thông báo để Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng điều chỉnh tiền sử dụng đất phải nộp, báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Sau khi được Bộ Quốc phòng phê duyệt, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng thông báo việc điều chỉnh tiền sử dụng đất cho đơn vị, doanh nghiệp. Việc xử lý số tiền sử dụng đất hằng năm phải nộp lớn hơn hoặc nhỏ hơn số tiền sử dụng đã nộp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp số tiền sử dụng đất trong năm phải nộp nhỏ hơn số tiền sử dụng đất đã nộp nhưng hết thời hạn sử dụng đất theo phương án, hợp đồng đã ký, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng hoàn trả số tiền nộp thừa từ tài khoản tạm giữ (nếu có).

Điều 14. Nộp tiền sử dụng đất hằng năm đối với dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện

1. Căn cứ dự toán thu ngân sách đã được Bộ Quốc phòng giao trong dự toán ngân sách hằng năm và phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt (nếu có), đơn vị, doanh nghiệp sử dụng đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh liên kết nộp tiền sử dụng đất về tài khoản tạm giữ theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

2. Trường hợp có sự điều chỉnh về thời hạn sử dụng đất theo phương án, hợp đồng đã ký hoặc có sự thay đổi về diện tích sử dụng đất, giá đất, tỷ lệ % đơn giá theo quyết định của Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư này.

3. Hết thời hạn nộp tiền sử dụng đất, trường hợp đơn vị, doanh nghiệp không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền sử dụng đất, thì xử lý theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 13 Thông tư này.

Điều 15. Xác định và nộp tiền sử dụng đất hằng năm tại doanh nghiệp cổ phần hóa đã ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng hoặc phương án đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt

1. Hằng năm, trường hợp không có sự thay đổi tiền sử dụng đất, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng xác định tiền sử dụng đất hằng năm theo hợp đồng thuê đất mà doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đã ký với Bộ Quốc phòng hoặc phương án đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt. Trường hợp tiền sử dụng đất thay đổi, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng để xác định tiền sử dụng đất nêu trên.

2. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt sau khi xác định số tiền sử dụng đất mà doanh nghiệp cổ phần hóa phải nộp.

3. Căn cứ phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng thông báo số tiền sử dụng đất phải nộp để doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn nộp về tài khoản tạm giữ.

4. Trường hợp hết thời hạn sử dụng đất theo hợp đồng đã ký hoặc có sự thay đổi về diện tích sử dụng đất, giá đất, tỷ lệ % đơn giá của Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất, doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư này.

5. Hết thời hạn nộp tiền sử dụng đất, trường hợp doanh nghiệp không nộp hoặc nộp không đầy đủ thì xử lý theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 13 Thông tư này.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 16. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chủ trì, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Cho ý kiến đối với báo cáo thẩm định của Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng về phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Chỉ đạo Cục Tác chiến thực hiện:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Bộ Tổng Tham mưu, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất quốc phòng theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng: thẩm định các phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; xác định tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại Thông tư này;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 17. Tổng cục Chính trị

Chỉ đạo cơ quan chức năng hướng dẫn công tác tuyên truyền, giáo dục trong toàn quân chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội.

Điều 18. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

1. Phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Cục Doanh trại thực hiện:

a) Tham mưu với Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về đất đai;

b) Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng: thẩm định các phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; xác định tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại Thông tư này;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 19. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tham mưu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng thẩm định, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt. Hướng dẫn đơn vị, doanh nghiệp hoàn chỉnh thủ tục pháp lý sau khi phương án được phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng làm việc với đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng để thống nhất các nội dung, giải pháp trong phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tổ chức kiểm tra, rà soát xác định và thu, nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại Thông tư này.

6. Chủ trì xây dựng, quản lý, điều hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội; chỉ đạo đơn vị, doanh nghiệp cập nhật số liệu phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế sau khi được phê duyệt.

7. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 20. Cục Pháp chế/Bộ Quốc phòng

1. Tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về pháp lý của các phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế tại các đơn vị, doanh nghiệp quân đội và các tổ chức có liên quan.

2. Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng: tham mưu, đề xuất với Bộ Quốc phòng về xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống cơ sở pháp lý trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế; thẩm định các phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất xây dựng kinh tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; xác định tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại Thông tư này.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thẩm định pháp lý nội dung thỏa thuận của các bên sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế trước khi ký kết hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phương án đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thẩm định pháp lý nội dung thỏa thuận của các bên khi chuyển đổi chủ thể hợp đồng đối với các phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhưng cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển đất quốc phòng cho đơn vị khác quản lý, sử dụng.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

6. Hướng dẫn cơ quan, đơn vị chỉ đạo tổ chức pháp chế, cán bộ pháp chế thuộc quyền phối hợp tham mưu, đề xuất người chỉ huy trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo quy định của nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 21. Thanh tra Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập kế hoạch thanh tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Tham mưu, đề xuất với Bộ Quốc phòng chỉ đạo giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, hoàn thành việc rà soát hiện trạng, phân loại, thống kê chi tiết các nội dung, hình thức, vị trí, diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, lập phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gửi dự thảo hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng về việc chuyển đổi chủ thể hợp đồng về Cục Pháp chế/Bộ Quốc phòng để thẩm định trước khi ký kết.

3. Thực hiện cập nhật số liệu phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế vào phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội sau khi được phê duyệt.

4. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án sử dụng đất theo quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

Điều 23. Trách nhiệm của doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng

Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa, thoái vốn (nếu có) đang sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện các nội dung sau:

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, hoàn thành việc rà soát hiện trạng, phân loại, thống kê chi tiết các nội dung, hình thức, vị trí, diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, lập phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi dự thảo hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng về việc chuyển đổi chủ thể hợp đồng về Cục Pháp chế/Bộ Quốc phòng để thẩm định trước khi ký kết.

3. Thực hiện cập nhật số liệu phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế vào phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội sau khi được phê duyệt.

4. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án sử dụng đất theo quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

2. Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện quy định về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế hết hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế đó.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các phương án sử dụng đất, phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

2. Đối với các phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh liên kết đã có đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, đang trình Bộ Quốc phòng (qua Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng) trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 260 Luật Đất đai.

3. Đối với các phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh liên kết chưa có đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai, Nghị định số 102/2024/N-CP và Thông tư này.

4. Đối với các phương án sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm do các đơn vị đã lập theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và Thông tư số 58/2021/TT-BQP nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

5. Đối với hợp đồng sử dụng đất quốc phòng đã được Bộ Quốc phòng ký với doanh nghiệp quân đội theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BQP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc sử dụng đất quốc phòng tại doanh nghiệp quân đội, sau khi phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, doanh nghiệp báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ký thanh lý hợp đồng sử dụng đất quốc phòng.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện Thông tư này./

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 01	Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền hằng năm
Mẫu số 02	Tờ trình về việc phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền hằng năm
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền hằng năm

Mẫu số 01. Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền hằng năm

---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ KHÔNG PHẢI NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HẰNG NĂM CỦA ...

……, ngày ... tháng ... năm .....

Tên đơn vị

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

a) Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

b) Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

c) Căn cứ Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

d) Căn cứ các văn bản có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của đơn vị.

2. Cơ sở thực tiễn: Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

II. HIỆN TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Vị trí, ranh giới, diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được giao.

2. Hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao.

3. Sự cần thiết sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

1. Đơn vị chủ trì thực hiện; đơn vị, doanh nghiệp phối hợp thực hiện (nếu có).

2. Vị trí, ranh giới, diện tích đất dự kiến sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

3. Nội dung, mục đích, hình thức sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

a) Nội dung, mục đích kết hợp;

b) Hình thức sử dụng: Không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm;

c) Tài sản gắn liền với đất đã đầu tư xây dựng khi sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (nếu có);

d) Thời hạn sử dụng, tiến độ thực hiện;

đ) Dự kiến sản phẩm, dịch vụ của hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

e) Nguồn lực tài chính để thực hiện hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

2. Kiến nghị

Mẫu số 02. Tờ trình về việc phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền hằng năm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../TTr-.....	....., *ngày ... tháng ... năm .....*

TỜ TRÌNH

Về việc .....

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Tên đơn vị trình phê duyệt ..... với các nội dung chính như sau:

.....[1].....
.....

.....

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)* **Cấp bậc, họ và tên**

[1] Các nội dung quy định tại Phần III Mẫu số 01.

Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền hằng năm

TÊN ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../QĐ-……	*……, ngày ... tháng ... năm …….*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

THẨM QUYỀN BAN HÀNH[2]……

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Theo đề nghị của …. .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm của……..với nội dung chính như sau:

……[3]……
……....

Điều 2. Trách nhiệm ….. khi quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế:

---

[2] Ghi đầy đủ chức vụ của cấp trưởng (như: TƯ LỆNH QUÂN KHU …, TƯ LỆNH BỘ TƯ LỆNH…)

[3] Các nội dung quy định tại Phần III Mẫu số 01.

1. Trách nhiệm của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (nếu có);

2. Trách nhiệm của đơn vị trực tiếp sử dụng đất

Điều 3. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

.....

Điều 4. Hiệu lực thi hành

.....

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

.....
.....

.....
.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)
Cấp bậc, họ và tên

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 01	Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm
Mẫu số 02	Tờ trình về việc phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm
Mẫu số 03	Quyết định về việc phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Mẫu số 01. Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤTQUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ PHẢI NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HẰNG NĂM CỦA ...

……., ngày ... tháng ... năm .....

Tên đơn vị, doanh nghiệp

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

a) Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

b) Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

c) Căn cứ Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

d) Căn cứ các văn bản có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của đơn vị, doanh nghiệp.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, doanh nghiệp;

b) Kết quả sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của đơn vị, doanh nghiệp hiện tại.

II. HIỆN TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Vị trí, ranh giới, diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được giao.

2. Hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao.

3. Tình hình quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

4. Sự cần thiết sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ PHẢI NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HẰNG NĂM

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Nội dung phương án sử dụng đất

a) Đơn vị, doanh nghiệp chủ trì thực hiện; đơn vị, doanh nghiệp phối hợp thực hiện (nếu có).

b) Vị trí, ranh giới, diện tích đất dự kiến sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

c) Nội dung, mục đích, hình thức sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

- Nội dung, mục đích kết hợp;

- Hình thức sử dụng: Nộp tiền sử dụng đất hằng năm;

- Tài sản gắn liền với đất đã đầu tư xây dựng (nếu có);

- Tài sản gắn liền với đất sẽ đầu tư xây dựng khi sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (nếu có);

- Thời hạn sử dụng, tiến độ thực hiện;

- Dự kiến sản phẩm, dịch vụ của hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

- Nguồn lực tài chính để thực hiện hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

d) Đánh giá tác động của việc sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đến việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

đ) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng.

e) Dự kiến phương án xử lý tài sản gắn liền với đất được tạo lập khi chấm dứt việc sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

g) Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

h) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

2. Kiến nghị

Mẫu số 02. Tờ trình về việc phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../TTr-……	*……, ngày ... tháng ... năm …….*

TỜ TRÌNH

Về việc ……..

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Tên đơn vị, doanh nghiệp trình phê duyệt ..... với các nội dung chính như sau:

……[1]……
……

……

…

Nơi nhận: - ……..; - ……..; - Lưu: VT, …….	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)* **Cấp bậc, họ và tên**

[1] Các nội dung quy định tại Phần III, IV Mẫu số 01.

Mẫu số 03. Quyết định về việc phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../QĐ-……	*……, ngày … tháng … năm …….*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG ……

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 99/2025/TT-BQP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Theo đề nghị của …. .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm của ……với nội dung chính như sau:

.....[2].....
.....

Điều 2. Trách nhiệm ..... khi quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế:

1. Trách nhiệm của đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng (nếu có);

2. Trách nhiệm của đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp sử dụng đất

Điều 3. Trách nhiệm các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng

.....

Điều 4. Hiệu lực thi hành

.....

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

.....
.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)
Cấp bậc, họ và tên

[2] Các nội dung quy định tại Phần III Mẫu số 01.